

Về Hà Giang

Trong ấn tượng của tôi, mảnh đất tốt bắc - Hà Giang luôn mang một vẻ đẹp trong suốt, hoang sơ và đầy thương khó. ở miền biên viễn xứ, xứ sở của đá và cây ngô này, với những người dưới xuôi lên, dường như mỗi cảnh, mỗi việc anh gặp đều là một câu chuyện đầy thú vị. Một nhà thơ đã nhớ Hà Giang như thế này: "Trong nỗi nhớ không đâu nhiều đá thế/ Trong nỗi nhớ thăm sâu dòng Nho Quế". Và tôi cũng vậy, mỗi lần từ tốt bắc về, tôi đều mang theo một nỗi nhớ, một chút bụi ngùi...

Lần này lên Hà Giang, điều đầu tiên khiến chúng tôi bất ngờ chính khi vào thăm trường THSC Xín Cái thấy một thầy giáo còn trẻ hơn nhiều học sinh đang đứng lớp. Hỏi ra thì còn kinh ngạc hơn "cậu ấy" là... hiệu trưởng! Đó là thầy Lê Văn Dũng, sinh năm 1978, quê ở Mê Linh - Vĩnh Phúc. Năm 2002, sau khi tốt nghiệp khoa Văn, Đại học Sư phạm 2 thầy đã tình nguyện lên đây công tác và đầu năm học vừa qua, thầy đã được đề bạt làm hiệu trưởng. Thầy Dũng cho chúng tôi biết: Hiện trường THCS Xín Cái có 109 học sinh phổ thông học trong lớp 4 và 175 học sinh phổ cập. Ngoài "đại bản doanh" ở Lũng Vằn Chải này, trường còn 8 phân trường tại các bản, chỉ nghe tên đã thấy đầy thương khó: Lũng Thúng, Ngải Chồ, Sử Nhè Lử, Sín Chải... Từ trung tâm xã đến điểm trường xa nhất Ngải Chồ là hơn 16 km, các thầy phải đạp đá, leo núi mất đúng một ngày đường. Cả trường có 11 giáo viên nhưng lại có đến 12 lớp, do đó các thầy cô cứ phải căng sức ra mà dạy 3 ca, mà chia nhau đi bản. Rồi lại còn phải phối hợp với "lực lượng đặc nhiệm" là dân quân, biên phòng... để đi "bắt" học trò đi học. Vậy nên thường trực tại trường trung tâm lúc nào cũng chỉ có 3-4 người. Hiệu trưởng cũng giống giáo viên, đi bản là nghĩa vụ.

Đây không hề là chuyện đùa! Anh Dũng (cán bộ huyện tăng cường về làm Chủ tịch xã Xín Cái) bảo: Hoàn thành phổ cập THCS vào cuối năm 2005 đã được đặt ra là nhiệm vụ hàng đầu trong các Nghị quyết của xã vì thế phải thực hiện bằng được. Trong khi đó, những người trong độ tuổi phổ cập lại thường là các lao động chính trong các gia đình, nếu đi học thì ai đi nương, ai đi kiếm tiền, kiếm ngô nuôi cả nhà, cái chữ không thể làm no cái bụng. Nhưng gì thì gì vẫn phải học. Đảng bộ xã, HĐND xã đã quyết định rồi! Toàn dân phải tham gia công tác phổ cập. Các thầy, các cô từ miền xuôi đã không quản khó khăn lặn lội vượt cổng trời lên đây thì không thể phụ lòng được. Vậy là xã đã huy động dân quân, cán bộ các ban ngành và nhờ bộ đội biên phòng cùng phối hợp với các thầy cô xuống từng bản, đến tận nhà, ra cả nương để vận động mọi người đi học. Ngày phải đi làm thì học tối, nhiều việc quá thì cán bộ làm giúp. Thậm chí xã còn ra chỉ thị: Ai không đi học thì phạt, ai bỏ học cũng phạt, phạt rất cao, 5000 đồng một buổi!... Xung quanh chuyện phạt, thầy Dũng kể cho chúng tôi nghe một chuyện... không thể cười được. Đó là lần "lực lượng đặc nhiệm" đến nhà Thò Mí Chí ở Sử Nhè Lử để "cưỡng chế" anh đi học. Bần thần một hồi rất lâu, Chí bảo với các thầy và các cán bộ "Tao chịu nộp phạt!". Rồi giải thích, nhà Chí chỉ có mỗi Chí đi làm để nuôi cả nhà, bố mẹ đã mất, các em còn

nhỏ cống gửi nước còn xiêu vẹo, chưa đi nương được. Mỗi ngày Chí đi làm thuê được 12.000 đồng, nếu “nộp phạt” 5.000 đồng thì vẫn còn 7.000 đồng cho 3 anh em sống chứ đi học thì chết đói. Các em Chí đi học là đủ rồi, Chí cũng đã học xong phổ cập tiểu học, biết đọc chữ cái “Không tin các thầy cứ thử xem” nếu Chí đọc được thì “tha” cho Chí. Nghe vậy đúng là không ai có thể cầm lòng.

Sau bữa cơm chiều, chúng tôi được thầy Dũng mời “dự giờ” lớp phổ cập buổi tối do đích thân thầy đứng... 2 lớp. 10 giờ đêm lớp tan, học trò lục tục đốt đuốc về bản, chúng tôi tiếp tục xuống thăm “kí túc xá” của các em “học sinh chính quy” ở nội trú. Trường Xín Cái được Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Hà Giang đỡ đầu. Các anh vừa hỗ trợ cho các em hơn một tấn gạo và một số bàn ghế. Đây là cái tình đáng trân trọng của những người lính... Đêm vùng cao lạnh thấu xương, vậy mà hơn 60 đứa trẻ ở trong “kí túc xá” chỉ phong phanh với những bộ quần áo mỏng tanh và duy nhất. Chúng phải kê sát phần nằm lại với nhau và ôm nhau nằm cho đỡ lạnh. Nhìn các em, tôi lại nghĩ về Hà Nội, nơi chúng tôi đang công tác, nơi có những ngôi trường khang trang và có những đứa trẻ được cha mẹ đưa đi đón về, trời se lạnh đã ngộp trong áo ấm đến toát mồ hôi và không thể cầm lòng. Thế đấy, gieo chữ, trồng người ở miền đá này còn gian lao hơn trồng ngô trên đá là cái chắc.

Có một chuyện rất đáng nhớ và đáng viết ở Hà Giang này là những mối tình cấm bản. Không thể kể hết những “mối tình cấm bản” ở mảnh đất tốt bắc này. Mọi người thường bảo đó là một biểu tượng đẹp đẽ của hạnh phúc, là sự sẻ chia và nương tựa vào nhau của những con người biết hy sinh “không chọn việc nhẹ nhàng”. Hầu hết các thầy, cô từ miền xuôi lên miền đất này, chính xác hơn là miền đá này công tác đều “xây tổ ấm” với các đồng nghiệp hoặc với bộ đôi biên phòng. Nơi đây, có đến hàng nghìn những tổ ấm như thế. Họ tìm thấy hạnh phúc từ trong cam khó, từ những người cùng cảnh ngộ.

“Trên cao nguyên này cái gì cũng phải nhờ dân. Dân ở đây tốt lắm, trẻ con trước khi vào học còn chạy vội vào bếp của các cô giáo, bỏ lại mấy quả su su, vài mớ rau, đôi khi còn bỏ cả trứng gà hay con cá còn tươi nguyên... ở Mèo Vạc này, vẫn còn hơn 600 cô giáo chưa có điều kiện lập gia đình vì phải “cắm” ở những bản làng xa xôi, có nơi phải đi bộ mấy ngày đường mới tới, thiếu thốn đủ đường nhưng sợ nhất và thiếu nhất là tình cảm...” - cô giáo Đỗ Thị Mơ, Trưởng phòng Giáo dục huyện Mèo Vạc, người đã có hơn hai mươi năm gắn bó với sự học của mảnh đất này đã nhiều lần bảo với chúng tôi như vậy. Mỗi lần nghe cô kể, tôi lại nhớ đến câu nói của ông Hạng Mí De, Chủ tịch UBMTTQ tỉnh Hà Giang rằng: “Tất cả những người làm nhiệm vụ gieo chữ phía sau những cổng trời kia đều xứng đáng được tôn vinh anh hùng, được phong nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú. Họ là hình ảnh tuyệt đẹp của sự nghiệp giáo dục...”

*

Không sinh ra ở cao nguyên đá, nhưng mỗi lần ngược Hà Giang tôi đều có cảm giác như được trở về với nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Đó là cái xúc cảm cứ dâng lên bui ngủi không sao lý giải nổi khi tôi

đứng ngắm những thân ngô xanh mướt vươn lên từ hốc đá xám lạnh. “Rét thế này mà được ngồi ăn mèn mèn nóng thì tuyệt lắm” - anh bạn đồng nghiệp cùng đi xứ xuýt xoa mãi như để quên đi cái lạnh thấu xương trong những ngày cuối đông. Nhớ lời kể của ông Sùng Đại Hùng, Chủ tịch UBND huyện Đồng Văn, một người Mông chính hiệu: “Người Mông xay ngô bằng cối đá, nặng lắm, nặng đến nỗi phải hai ba người cùng xay mà cũng chỉ dám bỏ vài nắm ngô nhỏ một lần thôi. Xay xong, sàng bỏ bột nhỏ rồi đem đồ lên, khi bốc hơi thì đổ ra thạp, xoa cho tan đều rồi lại đổ vào. Làm như thế vài lần mới ăn được”. Đó là mèn mèn, món ăn thường ngày của người Mông trên cao nguyên đá. Đối với họ, cho đến tận bây giờ, một bếp lò luôn đỏ lửa, mèn mèn lúc nào cũng vàng xuộm đầy thạp là hạnh phúc lắm rồi. Vậy mà bình quân lương thực đầu người của Đồng Văn bây giờ vẫn còn thấp lắm, mỗi năm chỉ đạt ngót 300kg/người, chủ yếu là ngô. “Mười lăm cân ngô hạt giỏi lắm cũng chỉ xay được mười cân bột thôi nên hai năm cân mỗi tháng một người vẫn đói mà...” - một cụ bà ở chợ huyện Đồng Văn nói với tôi.

“Cao nguyên Mèo Vạc - Đồng Văn là thế, lạnh sắc như dao cắt thịt, lạnh đến quắt tai. Không trồng được cây gì, chỉ ngô là sống được, mà ngô chỉ trồng được một vụ thôi. Kinh tế ở đây chẳng có gì là tiềm năng. Nói thế tưởng hơi quá, nhưng là sự thật. Cả năm nay Mèo Vạc thu các loại thuế mà được có 300 triệu. Dem nộp tỉnh, tỉnh bảo thôi, mang về mà trang trải thêm” - ông Thào Hồng Sơn, Chủ tịch huyện Mèo Vạc kể vậy khi chúng tôi từ Đồng Văn quay trở về Mèo Vạc thăm ông. Có lẽ không ở đâu lại có cách canh tác khùng khiếp như nơi này. Đến mùa khô, người dân phải đem gùi xuống tận sông Nho Quế dưới chân núi, bới vét, công từng nắm đất nhỏ nhoi lên, bỏ vào các hốc đá để trồng ngô. Hết công đất lại đi công nước tưới. Mùa mưa thì cặm cui xếp từng viên đá quanh gốc ngô để nước không cuốn trôi mất những nắm đất quý giá ấy đi. Cứ thế, cả đời hết công đất rồi lại công nước chăm cây. Khi cây ngô chín đến mức “treo đèn” (cây khô, bắp khô gục xuống) thì người Mông mới thu về, xếp lên gác bếp, ở dưới thì củi đun liên tục, cả năm chẳng sợ mối mọt. Cây ngô đung đưa theo gió đông như gọi nhện từng bước chân chắc nịch của cô gái người Mông, lưng nặng trĩu quẩy tấu (gùi) ngô vàng óng, thân nhiên đập đá tai mèo sắc nhọn trên “con đường chuột chạy” xuống chợ huyện. “Sao không đi con đường Nhà nước làm cho?” Cô gái hồn nhiên đáp: “Đi cái đường của tao xuống chợ nhanh hơn mà!”. Lũ trẻ con cũng vậy, chúng cứ thoăn thoắt ẩn hiện trên đá tai mèo đuổi dê, bò về bản. Mỗi khi rỗi rãi, chúng lại được cha mẹ sai nhặt những viên đá về xếp quanh nhà. Người Mông xếp đá rất tài, viên nọ chồng viên kia khít chặt, tạo nên những bức tường đá ngoạn mục mà không cần thứ hồ vữa nào...

Cái lạnh đến với cao nguyên đá sớm lắm. Nhiều khi ở những đỉnh cao còn có tuyết, tuyết dày cả gang tay. Có lẽ vì thế mà người Mông cũng ăn tết sớm. Khoảng gần một tháng trước tết, nhiều gia đình đã lục đục mổ lợn. Ăn tết đến gần hết tháng Giêng mới thôi. Ăn tết không to nhưng năm nào cũng không thể thiếu món bánh trôi làm bằng bột ngô nếp. Tết giản dị lắm nhưng người Mông lại mời nhau đầy trân trọng, rồi

lại say khướt với rượu ngô, say “khừn khừn” trong sương mù đặc quánh nhưng vẫn leo dốc về được bản, về với nóc nhà chon von trên đá như tổ chim đại bàng. Thật lạ và bí ẩn. Người Mông trong nỗi nhớ của tôi luôn thật đẹp và kiêu hùng, vươn thẳng như cây sa mộc ướt đầm sương sớm - loài cây đẹp nhất, thanh cao nhất ở miền đá này.

Những ngày chuẩn bị bước sang năm mới, đồng bào các dân tộc Hà Giang phấn khởi lắm vì nhiều chương trình xoá đói giảm nghèo của Đảng, Nhà nước đã đến được với họ. Chương trình 135, Chương trình kiên cố hoá trường học... đã mang lại cho Hà Giang thật nhiều đổi mới. Sau “một mái nhà, một bể nước, một con bò” giờ đây, là điện - đường - trường - trạm. Cái sự biết ơn của đồng bào Hà Giang với Đảng, Nhà nước dầu giản dị nhưng rất nặng tình. Còn nhớ, khi chúng tôi đi qua xã Lũng Phìn (Mèo Vạc), thấy có người dân đã viết trên thành bể nước nhà mình dòng chữ “Nam 2000 nhà nước cho mình cái bể”. Chỉ ngần ấy chữ thôi, nhưng nó chứa đựng biết bao tình cảm.

Hà Giang - Hà Nội, cuối năm 2004

(Báo Văn nghệ Trẻ)